

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 8 - 31 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

| | |
|--------------------------|--|
| Ông Quách Văn Đức | Chủ tịch |
| Ông Lê Văn Danh | Thành viên |
| Ông Lê Hữu Tịnh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Bạch Hương | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/4/2013) |
| Ông Nguyễn Văn Soái | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/4/2013) |
| Ông Đỗ Văn Thắng | Thành viên |

Ban Giám đốc:

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Lê Văn Danh | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2013) |
| Ông Nguyễn Văn Soái | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/01/2013) |
| Ông Trần Trung Tuấn | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/01/2013) |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Phó Giám đốc |
| Bà Trần Thị Quỳnh Tâm | Phó Giám đốc |
| Ông Trương Minh Tiến | Phó Giám đốc |

Ban Kiểm soát:

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Lê Minh Chương | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Bảo Châu | Thành viên |
| Bà Ngô Thị Ty | Thành viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2013

Số: 52 /DFK-HCM-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, được lập ngày 02 tháng 8 năm 2013, từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các những thông tin tài chính, công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm cổ phần hóa năm 2008, tổng giá trị lợi thế vị trí địa lý của các khu đất làm trạm xăng dầu đã được Tổng Công ty Tín Nghĩa góp vốn là 113.476.000.000 VNĐ. Sau đó, Công ty mua lại 2 trạm xăng dầu La Ngà và Bầu Hàm có giá trị lợi thế thương mại là 4.937.000.000 VNĐ, dẫn đến tổng giá trị lợi thế thương mại tính đến 31/12/2012 là 118.413.000.000 VNĐ. Theo Công văn 3849-CV/TU ngày 20/12/2012 của Tỉnh ủy Đồng Nai, Tổng Công ty Tín Nghĩa sẽ điều chỉnh giảm giá trị lợi thế vị trí địa lý nêu trên là 27.822.875.000 VNĐ tương ứng với giảm số vốn góp tại Công ty. Trong năm 2012, căn cứ vào Công văn nêu trên, Công ty đã tiến hành phân bổ lợi thế vị trí các khu đất theo giá trị dự kiến sau điều chỉnh là 90.590.125.000 VNĐ với thời gian phân bổ mới là 10 năm (theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính) dù chưa thực hiện điều chỉnh giảm giá trị lợi thế vị trí địa lý và vốn chủ sở hữu trên sổ sách kế toán số tiền là 27.822.875.000 VNĐ. Giá trị phân bổ trong năm 2012 – năm đầu tiên - được xác định bằng số chi phí phân bổ đều của một năm trừ đi giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tạm phân bổ trong các năm trước đây khi chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán viên
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 8 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Lê Đình Huyền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán viên số 1756-2013-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 252.631.491.023 | 304.620.790.975 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | 04 | 51.486.302.866 | 59.994.834.386 |
| 1. Tiền | 111 | | 51.486.302.866 | 59.994.834.386 |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | 05 | 23.175.000.000 | 23.175.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 23.175.000.000 | 23.175.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | | 74.968.507.458 | 71.091.524.404 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 73.705.141.897 | 69.973.898.792 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 963.163.491 | 962.805.736 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | 06 | 819.535.756 | 674.153.562 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (519.333.686) | (519.333.686) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | 07 | 97.839.347.342 | 141.770.554.981 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 97.839.347.342 | 141.770.554.981 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | | 5.162.333.357 | 8.588.877.204 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.148.646.797 | 689.482.534 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.684.016.063 | 7.733.885.678 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | 18.265.869 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 329.670.497 | 147.243.123 |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 311.424.228.737 | 303.775.429.775 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | - | - |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 91.706.521.612 | 80.655.438.735 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 08 | 64.075.115.077 | 56.087.880.671 |
| - Nguyên giá | 222 | | 99.144.863.910 | 89.719.144.391 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (35.069.748.833) | (33.631.263.720) |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | 09 | 9.142.600.822 | 9.318.675.094 |
| - Nguyên giá | 228 | | 9.482.066.905 | 9.482.066.905 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (339.466.083) | (163.391.811) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 18.488.805.713 | 15.248.882.970 |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | 240 | 11 | 382.677.329 | 395.433.245 |
| 1. Nguyên giá | 241 | | 739.785.948 | 739.785.948 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | (357.108.619) | (344.352.703) |
| <i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | | 109.080.211.767 | 109.080.211.767 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 12 | 109.481.175.000 | 109.481.175.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | | (400.963.233) | (400.963.233) |
| <i>V. Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | | 110.254.818.029 | 113.644.346.028 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 107.020.359.696 | 110.370.066.028 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 13 | 3.234.458.333 | 3.274.280.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 564.055.719.760 | 608.396.220.750 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Nợ phải trả | 300 | | 311.138.184.473 | 344.117.106.657 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 291.776.925.948 | 335.082.813.114 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 202.557.019.150 | 266.050.775.977 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | 81.946.005.738 | 50.759.308.012 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 1.401.343.140 | 3.977.598.500 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | 16 | 1.038.687.686 | 6.306.724.624 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 1.142.942.095 | 3.069.640.204 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 84.317.225 | 361.167.831 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 17 | 2.977.654.311 | 3.956.932.447 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 628.956.603 | 600.665.519 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 19.361.258.525 | 9.034.293.543 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 328.314.000 | 321.814.000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 18 | 18.944.095.607 | 8.623.735.062 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 88.848.918 | 88.744.481 |
| B. Vốn chủ sở hữu | 400 | | 217.728.175.869 | 229.372.450.057 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 217.728.175.869 | 229.372.450.057 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 213.437.600.000 | 213.437.600.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 4.637.962.030 | 2.064.000.000 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.443.816.812 | 4.017.778.842 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.127.976.708 | 2.127.976.708 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 1.069.547.390 | 1.069.547.390 |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | (4.988.727.071) | 6.655.547.117 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| C. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 439 | | 35.189.359.418 | 34.906.664.036 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 564.055.719.760 | 608.396.220.750 |



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2013

Hoàng Bảo Tú Phương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

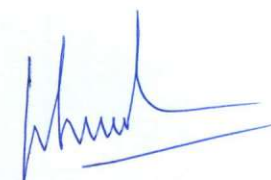
MẪU B 02-DN**Đơn vị: VND**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 |
|--|-------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 1.588.744.903.595 | 1.446.937.656.239 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | 920.461.042 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 20 | 1.588.744.903.595 | 1.446.017.195.197 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 1.551.745.565.284 | 1.411.087.601.439 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 36.999.338.311 | 34.929.593.758 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 676.093.216 | 6.711.840.358 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 12.442.417.466 | 11.863.881.066 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 12.542.183.102 | 11.863.881.066 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 24 | 22.696.279.930 | 18.221.196.009 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 25 | 6.906.591.452 | 6.159.010.506 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.369.857.321) | 5.397.346.535 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 874.694.787 | 1.194.742.520 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 832.660.430 | 525.540.899 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 26 | 42.034.357 | 669.201.621 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (4.327.822.964) | 6.066.548.156 |
| 15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành | 51 | 27 | 239.571.508 | 1.086.746.429 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (4.567.394.472) | 4.979.801.727 |
| Phân bổ cho: | | | | |
| 17.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số | | | 282.695.382 | 843.240.793 |
| 17.2. Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ | | | (4.850.089.854) | 4.136.560.934 |
| 18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 28 | (228) | 194 |



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2013


Hoàng Bảo Tú Phương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

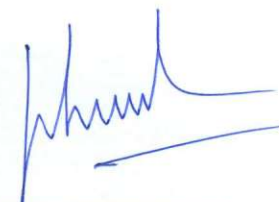
MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 |
|--|-----------|--------------------------------|--------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | (4.327.822.964) | 6.066.548.156 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 2 | 3.367.869.559 | 3.011.010.824 |
| (Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư | 5 | (595.601.135) | (6.642.487.796) |
| Chi phí lãi vay | 6 | 12.442.417.466 | 11.863.881.066 |
| 2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động | 8 | 10.886.862.926 | 14.298.952.250 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 9 | 8.725.056 | 10.697.982.386 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 43.931.207.639 | (9.877.437.100) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | 23.744.401.745 | (60.221.454.045) |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | 4.105.080.440 | 825.911.954 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (12.375.338.698) | (13.657.965.888) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (5.457.957.032) | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 8.500.000 | 29.452.784.689 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (148.968.333) | (35.097.025.167) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 64.702.513.743 | (63.578.250.921) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 21 | (15.664.390.387) | (15.969.361.195) |
| Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 22 | 41.000.000 | 350.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 598.256.631 | 4.567.312.580 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (15.025.133.756) | (11.052.048.615) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 1.272.730.714.775 | 1.107.970.202.372 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.323.493.680.282) | (1.038.787.056.043) |
| Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu | 36 | (7.422.946.000) | (10.707.280.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (58.185.911.507) | 58.475.866.329 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (8.508.531.520) | (16.154.433.207) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 59.994.834.386 | 34.207.285.568 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 51.486.302.866 | 18.052.852.361 |



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc
Ngày 02 tháng 8 năm 2013


Hoàng Bảo Tú Phương
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000608 ngày 08/12/2008 và giấy phép điều chỉnh lần thứ 04 ngày 31/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đồng thời cũng là 1 công ty con của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 95A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 213.437.600.000 đồng.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng và tuân theo các quy định hiện hành của Luật Chứng khoán đối với các công ty đại chúng theo Quyết định số 238/CQĐĐ-NV ngày 24/10/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu gồm:

- Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn máy móc ngành công, nông, lâm nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện;
- Bán buôn, bán lẻ sắt, thép, phụ tùng bếp gas, bếp gas;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Quảng cáo, đại lý bưu điện;
- Bán buôn, bán lẻ rượu, bia, nước giải khát;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Sửa chữa trụ bơm xăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| 1. Chi nhánh Trạm xăng dầu Nhơn Trạch | Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai |
| 2. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phước Bình | Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai |
| 3. Chi nhánh Trạm xăng dầu Long Tân | Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai |
| 4. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thạnh | QL20, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai |
| 5. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tín Thành | QL1, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai |
| 6. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thọ | ấp Thọ Chánh, tỉnh lộ 763, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai |
| 7. Chi nhánh Trạm xăng dầu Túc Trung | ấp Đồn Điền 1, QL20, xã Túc Trung, huyện Định Quán, Đồng Nai |
| 8. Chi nhánh Trạm xăng dầu 34 | Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, Đồng Nai |
| 9. Chi nhánh Trạm xăng dầu 35 | QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai |
| 10. Chi nhánh Trạm xăng dầu 97 | QL1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai |
| 11. Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Khánh | QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai |
| 12. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phú Lý | Số 177, tỉnh lộ 761, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai |
| 13. Chi nhánh Trạm xăng dầu Bàu Hàm | Số 15/02A, xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, Đồng Nai |
| 14. Chi nhánh Trạm xăng dầu Vĩnh An | KP5, tỉnh lộ 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai |
| 15. Chi nhánh Trạm xăng dầu Cầu Mới | Số ¼ Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hòa, Đồng Nai |
| 16. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Bình | ấp Bình Phước, tỉnh lộ 768, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai |
| 17. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Tiến | KP7, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai |
| 18. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Phong | Số 126, đường Đồng Khởi, phường Trảng Dài, Đồng Nai |
| 19. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Hòa | KP5, QL1, phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai |
| 20. Chi nhánh Trạm xăng dầu Thạnh Phú | ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai |
| 21. Chi nhánh Trạm xăng dầu Sông Trầu | ấp 7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai |
| 22. Chi nhánh Trạm xăng dầu ICD Biên Hòa | Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai |
| 23. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thành | Tỉnh lộ 766, ấp Tân Hợp, Xuân Lộc, Đồng Nai |
| 24. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thịnh | ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai |
| 25. Chi nhánh Trạm xăng dầu Hiệp Phước | Đường 25C, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai |

Công ty có các công ty con tại thời điểm 30/6/2013 bao gồm:

Tổng số các công ty con: 02 công ty, trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất trong kỳ:

| Tên Công ty | Trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh |
|---------------------------------------|--------------|---------------|------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tín Nghĩa 1 | TP Biên Hòa | 100,00% | 100,00% | Kinh doanh xăng dầu |
| Công ty CP Bất Động Sản Thống Nhất | TP Biên Hòa | 53,65% | 53,65% | Kinh doanh bất động sản |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư của công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa được thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản chính đó

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 – 05 |
| Quyền sử dụng đất | 10 – 50 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|------------------------|-------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | Số năm 05 – 30 |
|------------------------|-------------------|

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát sinh trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Về giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất hình thành trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được phân bổ đều trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thời gian bắt đầu phân bổ theo tiêu thức trên tính từ năm 2012. Riêng giá trị phân bổ trong năm đầu tiên được xác định bằng số chi phí phân bổ đều từ một năm trừ đi số chi phí đã tạm phân bổ trong các năm trước đây khi chưa có hướng dẫn cụ thể nêu trên của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau (đơn vị tính: đồng):

| | |
|--|-----------------|
| - Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất tính đến thời điểm 01/01/2013 | 118.413.000.000 |
| - Giá trị lợi thế vị trí địa lý sẽ điều chỉnh giảm theo Công văn 3849/CV/TU ngày 20/12/2012 của Tỉnh ủy Đồng Nai (*) | 27.822.875.000 |
| - Giá trị sau điều chỉnh giảm theo Công văn 3849-CV/TU ngày 20/12/2012 của Tỉnh ủy Đồng Nai (*) | 90.590.000.000 |
| - Giá trị phân bổ hàng năm theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính (10 năm) | 9.059.000.000 |
| - Tổng giá trị đã phân bổ trước năm 2012 | 6.899.071.667 |
| - Giá trị đã phân bổ trong năm 2012 | 2.159.928.333 |
| - Giá trị đã phân bổ trong 6 tháng đầu năm 2013 | 4.529.506.250 |

(*) Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán sau khi Tổng Công ty Tín Nghĩa (Công ty mẹ) hoàn tất thủ tục cần thiết theo luật định để giảm phần vốn góp tại Công ty theo Công văn số 3849-CV/TU.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu kinh doanh bất động sản phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Tiền mặt | 9.421.428.998 | 4.891.861.002 |
| Tiền gửi ngân hàng | 42.064.873.868 | 55.102.973.384 |
| + VND | 42.064.873.868 | 55.102.973.384 |
| Cộng | <u>51.486.302.866</u> | <u>59.994.834.386</u> |

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á vay ngắn hạn (*) | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Cho Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa vay ngắn hạn (**) | 8.175.000.000 | 8.175.000.000 |
| Cộng | <u>23.175.000.000</u> | <u>23.175.000.000</u> |

Chi tiết cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng số 05/2013/HĐKT ngày 28/02/2013 với Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(**) Hợp đồng số 06/2013/HĐKT ngày 28/02/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.175.000.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN | 53.218.360 | 41.337.636 |
| Phải thu Sản giao dịch Bất động sản Tín Nghĩa - Tổng Công ty Tín Nghĩa về tiền thu hộ khách hàng góp vốn nền nhà | 447.624.992 | 447.624.992 |
| Lãi cho vay Công ty CP Địa ốc Đại Á và Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa | 69.525.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 249.167.404 | 185.190.934 |
| Cộng | <u>819.535.756</u> | <u>674.153.562</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7. HÀNG TỒN KHO

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Công cụ dụng cụ | - | 264.340.559 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Bất động sản "Khu chợ và Phố chợ" tại huyện Thống Nhất, Đồng Nai | 23.561.335.583 | 24.054.631.309 |
| Hàng hóa | 74.278.011.759 | 117.451.583.113 |
| Cộng | <u>97.839.347.342</u> | <u>141.770.554.981</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | <u>97.839.347.342</u> | <u>141.770.554.981</u> |

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, kiến trúc <u>VNĐ</u> | Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u> | Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u> | Thiết bị quản lý <u>VNĐ</u> | Tổng cộng <u>VNĐ</u> |
|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 51.779.098.945 | 14.851.213.689 | 22.753.889.556 | 334.942.202 | 89.719.144.391 |
| Tăng trong kỳ | 11.389.228.168 | 1.023.530.385 | 11.709.091 | - | 12.424.467.644 |
| - Mua sắm mới | 1.201.890.588 | 35.000.000 | 11.709.091 | - | 1.248.599.679 |
| - Đầu tư XD/CB hoàn thành | 10.187.337.580 | 988.530.385 | - | - | 11.175.867.965 |
| Giảm trong kỳ | (264.456.643) | (2.275.806.830) | (302.589.906) | (155.894.746) | (2.998.748.125) |
| - Thanh lý | - | - | (115.000.000) | - | (115.000.000) |
| - Phân loại sang CCDC | (264.456.643) | (2.275.806.830) | (187.589.906) | (155.894.746) | (2.883.748.125) |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>62.903.870.470</u> | <u>13.598.937.244</u> | <u>22.463.008.741</u> | <u>179.047.456</u> | <u>99.144.863.910</u> |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 15.162.592.916 | 9.623.304.844 | 8.645.320.647 | 200.045.314 | 33.631.263.720 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.315.724.001 | 742.536.027 | 1.089.085.014 | 31.694.329 | 3.179.039.371 |
| Thanh lý, nhượng bán | (79.655.747) | (1.419.819.179) | (144.282.560) | (96.796.772) | (1.740.554.258) |
| - Thanh lý | - | - | (71.344.504) | - | (71.344.504) |
| - Phân loại sang CCDC | (79.655.747) | (1.419.819.179) | (72.938.056) | (96.796.772) | (1.669.209.754) |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>16.398.661.170</u> | <u>8.946.021.692</u> | <u>9.590.123.101</u> | <u>134.942.871</u> | <u>35.069.748.833</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | <u>36.616.506.029</u> | <u>5.227.908.845</u> | <u>14.108.568.909</u> | <u>134.896.888</u> | <u>56.087.880.671</u> |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>46.505.209.300</u> | <u>4.652.915.552</u> | <u>12.872.885.640</u> | <u>44.104.585</u> | <u>64.075.115.077</u> |

Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá tại ngày 30/6/2013 là 2.809.530.658 VND.
Tài sản cố định phân loại sang Công cụ dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 có nguyên giá là 2.883.748.125 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| | Quyền sử dụng đất VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|------------------------|-----------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 9.482.066.905 | 9.482.066.905 |
| Tại ngày 30/6/2013 | 9.482.066.905 | 9.482.066.905 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 163.391.811 | 163.391.811 |
| Khấu hao trong kỳ | 176.074.272 | 176.074.272 |
| Tại ngày 30/6/2013 | 339.466.083 | 339.466.083 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 9.318.675.094 | 9.318.675.094 |
| Tại ngày 30/6/2013 | 9.142.600.822 | 9.142.600.822 |

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 30/6/2013 VNĐ | 01/01/2013 VNĐ |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 11.938.805.713 | 15.248.882.970 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 1 | 12.600.000 | 12.600.000 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 2 | 13.200.000 | 13.200.000 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Cầu Mới | - | 2.524.233.636 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Hưng Thịnh | - | 2.635.217.657 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Hiệp Phước | 4.466.969.096 | 404.984.729 |
| - Quyền sử dụng đất tại Hiệp Hòa | 5.711.009.814 | 5.711.009.814 |
| - Xây dựng trạm chiết Gas Suối Tre | 817.771.781 | - |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Xuân Thành | - | 3.211.363.963 |
| - Công trình Xây dựng nhà làm việc Công ty CP BDS Thống Nhất | - | 693.860.876 |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Tân Bình | 855.039.841 | 10.197.114 |
| - Công trình Xây dựng các trạm xăng dầu khác | 62.215.181 | 32.215.181 |
| Mua sắm tài sản cố định | 6.550.000.000 | - |
| - Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Thành Nghĩa | 6.550.000.000 | - |
| | 18.488.805.713 | 15.248.882.970 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ | Tổng cộng VNĐ |
|------------------------|---------------------------------|--------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 739.785.948 | 739.785.948 |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>739.785.948</u> | <u>739.785.948</u> |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 344.352.703 | 344.352.703 |
| Khấu hao trong kỳ | 12.755.916 | 12.755.916 |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>357.108.619</u> | <u>357.108.619</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | <u>395.433.245</u> | <u>395.433.245</u> |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>382.677.329</u> | <u>382.677.329</u> |

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

| | 30/6/2013 VNĐ | 01/01/2013 VNĐ |
|--|------------------------|------------------------|
| Đầu tư tài chính dài hạn | | |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | 106.750.000.000 | 106.750.000.000 |
| Công ty TNHH MTV TM Kỹ thuật và Đầu tư | 2.093.175.000 | 2.093.175.000 |
| Công ty CP Du lịch Đồng Thuận | 638.000.000 | 638.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | (400.963.233) | (400.963.233) |
| Cộng | <u>109.080.211.767</u> | <u>109.080.211.767</u> |

(*) Chi tiết dự phòng đầu tư tại thời điểm 30/6/2013:

| Khoản đầu tư tài chính dài hạn | Tỷ lệ sở hữu (1) | Vốn CSH theo báo cáo tài chính (2) | Giá trị theo sổ sách kế toán (3) | Dự phòng tổn thất (4) = (1) x (2) - (3) |
|--|------------------------|--|--|--|
| Công ty TNHH MTV TM Kỹ thuật và Đầu tư | 0,08% | 2.381.781.615.226 | 2.093.175.000 | (89.986.150) |
| Công ty CP Du lịch Đồng Thuận | 1,06% | 30.754.506.335 | 638.000.000 | (310.977.083) |
| | | | | <u>(400.963.233)</u> |

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

| | 30/6/2013 VNĐ | 01/01/2013 VNĐ |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Thẻ chấp, ký cược dài hạn | 3.234.458.333 | 3.274.280.000 |
| Cộng | <u>3.234.458.333</u> | <u>3.274.280.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 110.370.066.028 | 112.414.695.624 |
| Tăng trong kỳ | 1.807.914.320 | 219.347.463 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (5.157.620.652) | (2.263.977.059) |
| Tại ngày 30 tháng 6 | <u>107.020.359.696</u> | <u>110.370.066.028</u> |
| Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm: | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất dùng làm trạm xăng dầu (*) | 104.824.481.251 | 109.353.987.500 |
| Chi phí đền bù san lấp mặt bằng (**) | 927.943.658 | 1.016.078.528 |
| Chi phí phân loại lại TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC | 1.267.934.787 | - |
| | <u>107.020.359.696</u> | <u>110.370.066.028</u> |

(*) Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được hình thành từ việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và đang được phân bổ 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thời gian bắt đầu phân bổ từ năm 2012.

(**) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của những khu đất thuê làm trạm xăng dầu, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng nhất quán theo thời gian thuê đất.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vay ngắn hạn (*) | 200.105.017.268 | 262.071.411.668 |
| - Vay ngân hàng | 196.020.730.000 | 252.727.124.400 |
| - Vay tổ chức khác | 4.084.287.268 | 9.344.287.268 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (**) | 2.452.001.882 | 3.979.364.309 |
| Cộng | <u>202.557.019.150</u> | <u>266.050.775.977</u> |
| (*) Chi tiết vay ngắn hạn | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vay ngân hàng | 196.020.730.000 | 252.727.124.400 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương tỉnh Đồng Nai (1) | 42.219.320.000 | 73.254.074.400 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai (2) | 59.132.380.000 | 82.309.550.000 |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai (3) | 76.417.430.000 | 97.163.500.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đại Á (4) | 18.251.600.000 | - |
| Vay tổ chức khác | 4.084.287.268 | 9.344.287.268 |
| - Tổng Công ty Tín Nghĩa (5) | 4.084.287.268 | 9.344.287.268 |
| Cộng | <u>200.105.017.268</u> | <u>262.071.411.668</u> |
| (**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Đồng Nai | 1.902.001.882 | 2.879.364.309 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | 550.000.000 | 1.100.000.000 |
| Cộng | <u>2.452.001.882</u> | <u>3.979.364.309</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(1.1). Hợp đồng tín dụng số 2012050/HM4/KHDN ngày 02/7/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ với lãi suất 10%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thư bảo lãnh vay vốn của Tổng Công ty Tín Nghĩa, giá trị bảo lãnh không thấp hơn 100.000.000.000 VND; thế chấp toàn bộ hệ thống các trạm xăng dầu hiện có và phát sinh mới ngay sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu.

(1.2). Hợp đồng tín dụng số 2012049/KHDN/NHNT ngày 21/6/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ với lãi suất 10%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo

2. Hợp đồng tín dụng số 222-09-2012/HĐTDHM-PN/TPB-DNI tháng 09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 8,6%/năm đến 10,2%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành ngày 17/9/2012 cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa và toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.

3. Hợp đồng tín dụng số 214.12.720.838318.TD.DN ngày 26/12/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 125.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 31/10/2013;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 10%/năm đến 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa. Hàng hóa luân chuyển là xăng dầu lưu kho tại Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM, và 10.675.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á.

4. Hợp đồng tín dụng số HM13/0064/SGD ngày 05/4/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND;
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 8,6%/năm đến 10,2%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là giá trị tối thiểu của hàng tồn kho bình quân và giá trị tối thiểu các khoản phải thu bình quân do Công ty TNHH MTV Tín Nghĩa 1 đứng tên.

5. Khoản vay của Tổng Công ty Tín Nghĩa, khoản vay này không quy định thời hạn trả nợ, không phải thế chấp và bắt đầu tính lãi theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Thuế GTGT đầu ra | 778.466.455 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 239.571.508 | 6.299.018.337 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 20.649.723 | 7.706.287 |
| Cộng | 1.038.687.686 | 6.306.724.624 |

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Tài sản thừa chờ xử lý | 2.088.096 | 5.834.564 |
| Kinh phí công đoàn | 5.380.264 | 109.877.045 |
| Phải trả BHXH, BHYT | 137.088.491 | 22.159.100 |
| Phải trả khác Tổng Công ty Tín Nghĩa | 1.383.249.732 | 1.366.619.685 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 1.124.219.917 | 2.144.037.917 |
| Phải trả phí vận chuyển xăng dầu | 138.880.000 | 174.209.881 |
| Các khoản phải trả khác | 186.747.811 | 134.194.255 |
| Cộng | 2.977.654.311 | 3.956.932.447 |

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Nai (1) | 13.761.097.489 | 10.403.099.371 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á (2) | 1.650.000.000 | 2.200.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3) | 5.985.000.000 | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | (2.452.001.882) | (3.979.364.309) |
| Cộng | 18.944.095.607 | 8.623.735.062 |

(1) Số dư tại ngày 30/6/2013 gồm các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

(1.1). Hợp đồng tín dụng số 2010051/KHDN/NHNT-DA ngày 07/10/2010 với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.816.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bồn;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2013 là 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp bằng 04 xe bồn hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013 là 2.408.000.000 VND.

(1.2.). Hợp đồng tín dụng số 2011050/DA/KHDN ngày 21/11/2011 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 6.500.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án trạm xăng dầu Gia Canh và Cầu Trắng;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2013 là 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013 là 2.078.393.489 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)

(1.3). Hợp đồng tín dụng số 2012002/DA/KHDN ngày 08/02/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.550.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua lại trạm xăng dầu Thắng Lợi 3;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2013 là 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp trạm xăng dầu Định Quán 3;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013 là 4.014.704.000 VND.

(1.4). Hợp đồng tín dụng số 201304/DA/KHDN ngày 28/3/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 5.260.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của việc nhận chuyển nhượng 02 trạm xăng dầu La Ngà và Bàu Hàm;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2013 là 13%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc 02 trạm xăng dầu La Ngà và Bàu Hàm.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013 là 5.260.000.000 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng số TD09/0345/HS ngày 01/9/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.400.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bốn;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng, thay đổi 03 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 0,3%/tháng, lãi suất tại ngày 30/6/2013 là 13,4%/năm;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013 là 1.650.000.000 VND.

(3) Hợp đồng tín dụng số 361-06.2013/HĐTDTH-PN/TPB-DNI ngày 27/6/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 8.158.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bù đắp vốn đầu tư dự án trạm xăng dầu Thanh Tuyền (tên mới: Trạm Xăng dầu Thành Nghĩa) và bù đắp chuyển mục đích sử dụng đất tại trạm xăng;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần và được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ, lãi suất đến thời điểm 30/6/2013 là 11,5%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn chủ sở hữu | Vốn khác của Vốn chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2012 | 213.437.600.000 | 2.064.000.000 | 3.517.778.842 | 2.127.976.708 | 919.592.183 | 10.093.558.501 | 232.160.506.234 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 8.293.033.155 | 8.293.033.155 |
| Trích quỹ | - | - | 500.000.000 | - | 149.955.207 | (649.955.207) | - |
| Chi trả cổ tức năm 2011 | - | - | - | - | - | (10.671.880.000) | (10.671.880.000) |
| Chi trả cổ tức năm 2010 | - | - | - | - | - | (93.917.917) | (93.917.917) |
| Trích Quỹ phúc lợi | - | - | - | - | - | (315.291.415) | (315.291.415) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 213.437.600.000 | 2.064.000.000 | 4.017.778.842 | 2.127.976.708 | 1.069.547.390 | 6.655.547.117 | 229.372.450.057 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | (4.850.089.854) | (4.850.089.854) |
| Trích quỹ (1) | - | 2.573.962.030 | (2.573.962.030) | - | - | - | - |
| Chi trả cổ tức (1) | - | - | - | - | - | (6.403.128.000) | (6.403.128.000) |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1) | - | - | - | - | - | (91.946.912) | (91.946.912) |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2) | - | - | - | - | - | (299.109.422) | (299.109.422) |
| Tại ngày 31/3/2013 | 213.437.600.000 | 4.637.962.030 | 1.443.816.812 | 2.127.976.708 | 1.069.547.390 | (4.988.727.071) | 217.728.175.869 |

(1) Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24/4/2013.

(2) Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 11/4/2013.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tại ngày 30/6/2013 | Tỷ lệ (%) | Tại ngày 01/01/2013 | Tỷ lệ (%) |
|--|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| | VND | (%) | VND | (%) |
| Tổng Công ty Tín Nghĩa | 173.437.600.000 | 81,26% | 173.437.600.000 | 81,26% |
| Công ty CP Đầu tư và Thương mại Toàn Thắng | 8.979.800.000 | 4,21% | 8.979.800.000 | 4,21% |
| Cổ đông khác | 31.020.200.000 | 14,53% | 31.020.200.000 | 14,53% |
| | 213.437.600.000 | 100,00% | 213.437.600.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
|--|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 21.343.760.000 | 21.343.760.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 21.343.760.000 | 21.343.760.000 |
| - <i>Vốn góp tăng trong năm</i> | - | - |
| - <i>Vốn góp giảm trong năm</i> | - | - |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 21.343.760.000 | 21.343.760.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 6.403.128.000 | 10.671.880.000 |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 6.403.128.000 | 10.671.880.000 |

Cổ phiếu

| | 30/06/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 21.343.760 | 21.343.760 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 21.343.760 | 21.343.760 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 21.343.760 | 21.343.760 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 21.343.760 | 21.343.760 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 21.343.760 | 21.343.760 |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 (VNĐ) | | |

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VNĐ | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VNĐ |
|---|--|--|
| Doanh thu bán xăng dầu | 1.569.680.197.262 | 1.426.676.819.639 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 2.538.041.502 | 9.929.113.103 |
| Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác | 16.526.664.831 | 10.331.723.497 |
| | 1.588.744.903.595 | 1.446.937.656.239 |
| Các khoản giảm trừ | - | 920.461.042 |
| Cộng doanh thu thuần | 1.588.744.903.595 | 1.446.017.195.197 |

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VNĐ | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VNĐ |
|---|--|--|
| Giá vốn xăng dầu đã cung cấp | 1.536.325.717.695 | 1.394.492.346.549 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 1.941.012.903 | 7.702.620.257 |
| Giá vốn vật liệu xây dựng và giá vốn khác | 13.478.834.686 | 8.892.634.633 |
| Cộng | 1.551.745.565.284 | 1.411.087.601.439 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn | 598.256.631 | 1.161.381.975 |
| Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | 77.836.585 | 212.958.383 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 5.337.500.000 |
| Cộng | 676.093.216 | 6.711.840.358 |

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|-----------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Chi phí lãi vay | 12.442.417.466 | 11.863.881.066 |
| Cộng | 12.442.417.466 | 11.863.881.066 |

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Chi phí công cụ đồ dùng | 313.525.176 | 194.517.720 |
| Chi phí nhân công | 10.717.324.779 | 9.972.973.881 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.566.292.702 | 1.986.954.984 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 4.529.506.248 | 1.184.130.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.212.976.376 | 2.721.595.095 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.356.654.649 | 2.161.024.329 |
| Cộng | 22.696.279.930 | 18.221.196.009 |

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Chi phí công cụ đồ dùng | 267.690.786 | 160.583.636 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.231.173.439 | 3.891.127.211 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 199.429.998 | 348.952.652 |
| Thuế, phí, lệ phí | 85.553.907 | 49.858.013 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 488.413.702 | 852.956.851 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.634.329.620 | 855.532.143 |
| Cộng | 6.906.591.452 | 6.159.010.506 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***26. LỢI NHUẬN KHÁC**

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Thu nhập từ việc thanh lý TSCĐ | 41.000.000 | 318.181.818 |
| Thu nhập từ bàn giao CCDC cho Công ty con | 530.806.929 | - |
| Thu nhập khác | 302.887.858 | 876.560.702 |
| Cộng | 874.694.787 | 1.194.742.520 |
| Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý | 43.655.496 | 387.534.380 |
| Chi phí từ bàn giao CCDC cho Công ty con | 530.806.929 | - |
| Các khoản chi phí khác | 258.198.005 | 138.006.519 |
| Cộng | 832.660.430 | 525.540.899 |
| Lợi nhuận từ hoạt động khác | 42.034.357 | 669.201.621 |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con | 239.571.508 | 1.086.746.429 |
| | 239.571.508 | 1.086.746.429 |

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (4.850.089.854) | 4.136.560.934 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông. | (4.850.089.854) | 4.136.560.934 |
| Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 21.343.760 | 21.343.760 |
| Lãi/ (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phần | (228) | 194 |

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Chi phí mua hàng hóa | 1.551.745.565.284 | 1.411.087.601.439 |
| Chi phí nhân công | 14.948.498.218 | 13.864.101.092 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 2.765.722.700 | 2.335.907.636 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 4.529.506.248 | 1.184.130.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.701.390.078 | 3.574.551.946 |
| Chi phí khác | 4.076.538.176 | 3.066.414.485 |
| | 1.580.767.220.704 | 1.435.112.706.598 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***30. BIẾN ĐỘNG VỀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC**

Khoản lỗ của 6 tháng đầu năm 2013 là 4.567.394.472 VND, so với cùng kỳ năm trước lãi 4.979.801.727 VND. Nguyên nhân chủ yếu là do sự gia tăng của chi phí lãi vay và chi phí bán hàng và sự sụt giảm của thu nhập từ hoạt động tài chính kỳ này.

- Thu nhập hoạt động tài chính giảm 6.035.747.142 VND, tương ứng 90% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Chi phí bán hàng tăng 4.475.083.921 VND, tương ứng 25% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó chủ yếu là do chi phí phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp tăng 3.345.376.248 VND, tương ứng 283%. Điều này do Công ty thay đổi thời gian phân bổ vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 hướng dẫn cụ thể về thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | 30/06/2013 | | 01/01/2013 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 51.486.302.866 | - | 59.994.834.386 | - |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 74.524.677.653 | (519.333.686) | 70.648.052.354 | (519.333.686) |
| Các khoản cho vay | 23.175.000.000 | - | 23.175.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn | 109.481.175.000 | (400.963.233) | 109.481.175.000 | (400.963.233) |
| Tổng cộng | 258.667.155.519 | (920.296.919) | 263.299.061.740 | (920.296.919) |

| | Giá trị ghi sổ | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/6/2013 | 01/01/2013 |
| | VND | VND |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 221.501.114.757 | 274.674.511.039 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 84.923.660.049 | 54.716.240.459 |
| Chi phí phải trả | 84.317.225 | 361.167.831 |
| Tổng cộng | 306.509.092.031 | 329.751.919.329 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- *Phải thu khách hàng:* Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.
- *Tiền gửi ngân hàng:* Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

| Khoản mục | Dưới 01 năm | Từ 01 năm - 05 năm | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH | | | |
| Tại 30/6/2013 | | | |
| Các khoản vay | 202.557.019.150 | 18.944.095.607 | 221.501.114.757 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 84.923.660.049 | - | 84.923.660.049 |
| Chi phí phải trả | 84.317.225 | - | 84.317.225 |
| Cộng | 287.564.996.424 | 18.944.095.607 | 306.509.092.031 |
| Tại ngày 01/01/2013 | | | |
| Các khoản vay | 266.050.775.977 | 8.623.735.062 | 274.674.511.039 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 54.716.240.459 | - | 54.716.240.459 |
| Chi phí phải trả | 361.167.831 | - | 361.167.831 |
| Cộng | 321.128.184.267 | 8.623.735.062 | 329.751.919.329 |
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | |
| Tại 30/6/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 51.486.302.866 | - | 51.486.302.866 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 74.524.677.653 | - | 74.524.677.653 |
| Các khoản cho vay | 23.175.000.000 | - | 23.175.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 109.481.175.000 | 109.481.175.000 |
| Cộng | 149.185.980.519 | 109.481.175.000 | 258.667.155.519 |
| Tại ngày 01/01/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 59.994.834.386 | - | 59.994.834.386 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 70.648.052.354 | - | 70.648.052.354 |
| Các khoản cho vay | 23.175.000.000 | - | 23.175.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 109.481.175.000 | 109.481.175.000 |
| Cộng | 153.817.886.740 | 109.481.175.000 | 263.299.061.740 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

| | Mối quan hệ | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND |
|---|----------------------|--|
| Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 360.908.020 |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 45.455.184 |
| Công ty CP Tín Khải | Công ty liên kết TCT | 15.237.381 |
| Công ty CP Cảng Container Đồng Nai - ICD Đồng Nai | Công ty con của TCT | 60.153.581 |
| Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa | Công ty con của TCT | 772.189.345 |
| Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 6.175.438.482 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 44.798.120.622 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | Công ty liên kết TCT | 977.983.295 |
| Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3 | Công ty con của TCT | 457.185.592 |
| Công ty TNHH MTV Đá Grannite Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 69.372.144 |
| Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo | Công ty con của TCT | 58.594.755 |
| Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch | Công ty con của TCT | 224.768.392 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 32.345.995 |
| Công ty CP Cấu kiện Bê tông DIC Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 1.788.864 |
| Công ty CP KCN Tín Nghĩa Phương Đông | Công ty con của TCT | 23.921.046 |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 1.367.955 |
| Công ty TNHH Quản lý Dự án Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 56.947.472 |
| Mua hàng | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 32.720.000 |
| Công ty TNHH MTV Quản lý dự án Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 145.979.091 |
| Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3 | Công ty con của TCT | 138.731.232 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 20.876.364 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | Công ty liên kết TCT | 412.321.303 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 525.581.819 |
| Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 2.188.882.781 |
| Lãi cho vay vốn | | |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 271.500.000 |
| Công ty CP Đầu tư Đại Á | Công ty con của TCT | 147.967.500 |
| Trả nợ vay | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 5.260.000.000 |
| Trả lãi vay | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 494.089.553 |
| Chi trả cổ tức | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 5.203.128.000 |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 517.314.000 |
| Công ty CP Đầu tư Đại Á | Công ty con của TCT | 949.200.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2013 như sau:**

| | | 30/6/2013 |
|--|----------------------|----------------|
| | | VND |
| Phải thu tiền hàng | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 2.043.310 |
| Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa | Công ty con của TCT | 123.178.840 |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 4.218.600 |
| Công ty CP Thống Nhất | Công ty con của TCT | 20.737.090 |
| Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo | Công ty con của TCT | 32.291.480 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 709.395.990 |
| Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 2.046.219.570 |
| Sàn giao dịch BĐS Tín Nghĩa | CN trực thuộc TCT | 453.412.492 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 30.038.960 |
| Công ty CP Cấu kiện Bê tông DIC Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 181.766.334 |
| Công ty TNHH MTV Đá Grannite Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 13.717.510 |
| Phải thu vốn cho vay | | |
| Công ty CP Địa ốc Đại Á | Công ty con của TCT | 15.000.000.000 |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 8.175.000.000 |
| Phải thu lãi cho vay | | |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 45.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư Đại Á | Công ty con của TCT | 24.525.000 |
| Phải trả tiền vay | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 4.084.287.268 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | Công ty liên kết TCT | 1.650.000.000 |
| Phải trả tiền lãi vay | | |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | Công ty liên kết TCT | 19.428.750 |
| Phải trả cổ tức | | |
| Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa | Công ty con của TCT | 406.800.000 |
| Công ty CP Đầu tư Đại Á | Công ty con của TCT | 221.706.000 |
| Phải trả khác | | |
| Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT) | Công ty mẹ | 1.383.249.732 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, đã được công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012 đã được soát xét.



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2013

Hoàng Bảo Tú Phương
Kế toán trưởng

